

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 31

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao Bì Tân Khánh An (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Hà Quang Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/04/2021
Ông Cáp Hồng Nguyên	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24/04/2021
Ông Phạm Thanh Hà	Thành viên	
Ông Trần Anh Giang	Thành viên	

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Bùi Việt Đức	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/04/2021
Ông Hà Quang Minh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24/04/2021
Bà Nguyễn Thị Hồng	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Long	Thành viên	

Ban Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Thanh Hà	Giám đốc
Ông Trần Anh Giang	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Phạm Thanh Hà, Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2- Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Phạm Thanh Hà

Giám đốc

Nghệ An, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Số: 120/2022/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao Bì Tân Khánh An (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 03 năm 2022 từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại Báo cáo kiểm toán số 305/2021/KT-RSMHCM ngày 18/03/2021.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1334-2021-240-1

Lê Văn Long
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3303-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 19 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.633.339.932	74.494.348.182
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	3.311.857.564	3.196.882.980
1. Tiền	111		3.311.857.564	3.196.882.980
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	2.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.050.977.674	43.868.083.249
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	51.979.344.109	45.783.322.228
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	402.179.600	302.335.960
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(2.330.546.035)	(2.217.574.939)
IV. Hàng tồn kho	140		31.170.490.338	25.429.250.549
1. Hàng tồn kho	141	4.7	31.170.490.338	25.429.250.549
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		100.014.356	131.404
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		99.882.952	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	131.404	131.404
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.146.547.816	11.945.400.747
II. Tài sản cố định	220	4.6	10.103.593.271	11.945.400.747
1. Tài sản cố định hữu hình	221		10.103.593.271	11.945.400.747
Nguyên giá	222		63.485.319.022	63.188.619.022
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.381.725.751)	(51.243.218.275)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		42.954.545	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	42.954.545	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		96.779.887.748	86.439.748.929

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		44.867.039.993	36.857.423.246
I. Nợ ngắn hạn	310		44.867.039.993	36.857.423.246
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	9.406.073.003	4.861.472.129
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	250.381.176	1.223.443.542
3. Phải trả người lao động	314		6.153.001.014	6.984.759.323
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	4.391.903.815	13.715.235.052
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	17.942.697.064	6.132.630.411
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.722.983.921	3.939.882.789
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.912.847.755	49.582.325.683
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13	51.912.847.755	49.582.325.683
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.046.174.235	1.031.683.578
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.866.673.520	10.550.642.105
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.117.318.448	405.735.534
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.749.355.072	10.144.906.571
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		96.779.887.748	86.439.748.929

Phê duyệt

Phạm Thanh Hà
Giám đốc

Nghệ An, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Người lập

Lê Văn Tuấn
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	170.317.506.234	143.064.937.048
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	66.303.600	59.641.160
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		170.251.202.634	143.005.295.888
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	148.416.521.240	121.865.961.188
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.834.681.394	21.139.334.700
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	326.147.353	307.745.508
7. Chi phí tài chính	22	5.5	629.646.435	1.002.831.922
Trong đó, chi phí lãi vay	23		627.872.355	1.002.831.922
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	4.987.393.849	4.321.158.776
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	4.073.806.407	4.322.920.546
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.469.982.056	11.800.168.964
11. Thu nhập khác	31	5.8	46.046.872	7.026.985
12. Chi phí khác	32	5.9	15.798.161	6.804.588
13. Lợi nhuận khác	40		30.248.711	222.397
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.500.230.767	11.800.391.361
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	1.750.875.695	1.655.484.790
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.749.355.072	10.144.906.571
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.5	1.980	1.654
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.13.6	1.980	1.654

Phê duyệt

Phạm Thanh Hà
Giám đốc

Nghệ An, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Người lập

Lê Văn Tuấn
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.500.230.767	11.800.391.361
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.125.175.308	2.420.967.944
Các khoản dự phòng	03		112.971.096	643.292.402
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(11.719.007)	(39.617.571)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(154.221.716)	(262.756.187)
Chi phí lãi vay	06		627.872.355	1.002.831.922
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		15.200.308.803	15.565.109.871
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.426.208.443)	11.774.474.754
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.741.239.789)	(2.545.770.065)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.321.019.055)	7.327.254.196
Tiền lãi vay đã trả	14		(751.437.899)	(845.215.226)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.877.898.774)	(1.798.480.897)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.062.399.700)	(1.784.925.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.979.894.857)	27.692.447.633
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(339.654.545)	(342.649.495)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		-	(2.000.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		184.457.333	153.583.584
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(155.197.212)	(2.189.065.911)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	115.392.620.903	81.530.176.252
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(103.582.554.250)	(104.880.705.394)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(4.560.000.000)	(4.560.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.250.066.653	(27.910.529.142)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		114.974.584	(2.407.147.420)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.196.882.980	5.604.030.400
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		3.311.857.564	3.196.882.980

Phê duyệt

Phạm Thanh Hà
Giám đốc

Nghệ An, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Người lập

Lê Văn Tuấn
Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Tân Khánh An (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp TNHH MTV Nhà nước (Công ty TNHH MTV Tân Khánh An) theo Quyết định số 158/QĐ-HĐTV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Khánh Việt. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900741212 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 02 tháng 01 năm 2019. Công ty hoàn thành bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 15 tháng 10 năm 2018 và chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán TKA vào ngày 29/10/2019.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 38.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt Đường D2 – KCN Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 256 (31/12/2020: 258).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất bao bì và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. (Chi tiết: Sản xuất bao bì);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. (Chi tiết: Mua bán: hạt nhựa, giấy, phụ gia, manh dệt PP và các bán thành phẩm, thành phẩm của bao bì; Mua bán phế liệu trừ những loại gây ô nhiễm môi trường);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp đồ đạc, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2021
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 15 năm
▪ Máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	3 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
▪ Khác	4 năm

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.8. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi được chủ sở hữu thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa và dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất bao bì và một khu vực địa lý chính là ở Việt Nam.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	157.939.204	355.829.462
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.153.918.360	2.841.053.518
Cộng	3.311.857.564	3.196.882.980

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Vinh với lãi suất 4,9%/năm. Khoản tiền này được dùng để thế chấp cho khoản vay của công ty – Xem thêm mục 4.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	11.398.167	10.270.905
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	10.906.504.830	11.822.029.290
Công ty TNHH Cung ứng vật tư Đồng Lâm	8.006.150.000	7.806.126.900
Công ty Cổ phần xi măng Sông Gianh	4.032.897.000	2.738.957.100
Công ty Cổ phần Trung Hải Nghệ An Group	4.498.910.204	3.257.799.064
Các khách hàng khác	24.523.483.908	20.148.138.969
Cộng	51.979.344.109	45.783.322.228
Trong đó, Phải thu khách hàng là bên liên quan- Xem thêm mục 7	11.398.167	10.270.905

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu CBNV về BHXH	2.076.301	-	9.324.828	-
Ký quỹ, ký cược	217.857.936	-	143.386.329	-
Tạm ứng	102.217.861	-	39.361.684	-
Lãi dự thu	78.936.986	-	109.172.603	-
Phải thu khác	1.090.516	-	1.090.516	-
Cộng	402.179.600	-	302.335.960	-

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	6.419.171.958	4.088.625.923	6.259.164.174	4.041.589.235
Cộng	6.419.171.958	4.088.625.923	6.259.164.174	4.041.589.235

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	4.176.748.830	2.923.724.181	Từ 6 tháng - 1 năm	4.782.371.390	3.347.659.973	Từ 6 tháng - 1 năm
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Đại Dương	-	-	Đã thu hồi	650.312.950	455.219.065	Từ 6 tháng - 1 năm
Công ty Sản xuất Vật liệu & Xây dựng Coveso I	382.465.265	-	Trên 3 năm	417.465.265	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Long Vũ	68.000.001	-	Trên 3 năm	68.000.001	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Trung	36.351.216	25.445.851	Từ 6 tháng - 1 năm	5.810.506	4.067.354	Từ 6 tháng - 1 năm
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Trung	58.812.202	29.406.101	Từ 1 - 2 năm	-	-	-
Công ty TNHH Chế biến nông lâm sản xuất khẩu Như Xuân	388.531.591	194.265.796	Từ 1 - 2 năm	335.204.062	234.642.843	Từ 6 tháng - 1 năm
Công ty TNHH Chế biến nông lâm sản xuất khẩu Như Xuân	303.256.239	212.279.366	Từ 6 tháng - 1 năm	-	-	-
Công ty CP Khoáng sản và thương mại Trung Hải - Nghệ An	920.930.365	644.651.254	Từ 6 tháng - 1 năm	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành Viên 1/5 Nghệ An	84.076.249	58.853.374	Từ 6 tháng - 1 năm	-	-	-
Cộng	6.419.171.958	4.088.625.923		6.259.164.174	4.041.589.235	

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2021	14.412.651.326	44.997.896.775	3.203.239.717	298.001.487	276.829.717	63.188.619.022
Mua sắm trong năm	-	296.700.000	-	-	-	296.700.000
Tại ngày 31/12/2021	14.412.651.326	45.294.596.775	3.203.239.717	298.001.487	276.829.717	63.485.319.022
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2021	11.496.639.275	36.507.792.431	2.739.134.669	222.822.183	276.829.717	51.243.218.275
Khấu hao trong năm	479.939.065	1.515.523.503	123.853.092	19.191.816	-	2.138.507.476
Tại ngày 31/12/2021	11.976.578.340	38.023.315.934	2.862.987.761	242.013.999	276.829.717	53.381.725.751
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2021	2.916.012.051	8.490.104.344	464.105.048	75.179.304	-	11.945.400.747
Tại ngày 31/12/2021	2.436.072.986	7.271.280.841	340.251.956	55.987.488	-	10.103.593.271

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 8.817.822.731 VND – Xem thêm mục 4.12.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 39.035.990.531 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.542.120.810	-	20.120.742.232	-
Công cụ, dụng cụ	163.365.546	-	181.501.721	-
Chi phí SXKD dở dang	3.351.591.562	-	2.846.454.164	-
Thành phẩm	5.113.412.420	-	2.280.552.432	-
Cộng	31.170.490.338	-	25.429.250.549	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Hệ thống Phòng cháy chữa cháy	42.954.545	-
Cộng	42.954.545	-

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	-	-	165.000	165.000
Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	1.728.000.000	1.728.000.000	1.809.000.000	1.809.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	496.320.000	496.320.000	1.017.170.000	1.017.170.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngọc Minh Giang	135.482.270	135.482.270	1.008.200.050	1.008.200.050
Công ty TNHH Đồng á Bắc Ninh	2.226.803.535	2.226.803.535	-	-
Đối tượng khác	4.819.467.198	4.819.467.198	1.026.937.079	1.026.937.079
Cộng	9.406.073.003	9.406.073.003	4.861.472.129	4.861.472.129
Trong đó, Phải trả người bán là bên liên quan- Xem thêm mục 7	-	-	165.000	165.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ký quỹ của người lao động học việc	246.887.152	251.887.152
Kinh phí công đoàn	184.366.616	121.666.902
Bảo hiểm xã hội	30.863.828	-
Ngân hàng BIDV Thành Vinh (*)	3.218.760.202	12.165.951.207
Nhận ký quỹ	-	600.000.000
Phải trả khác	711.026.017	575.729.791
Cộng	4.391.903.815	13.715.235.052

(*) Là khoản phải trả về nợ gốc và lãi cho việc nhận dịch vụ bảo lãnh thanh toán theo phương thức UPAS L/C.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đồng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Thuế và các khoản phải thu / phải nộp nhà nước

	Tại ngày 31/12/2021		Trong năm		Tại ngày 01/01/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng nội địa	-	-	17.025.120.218	17.871.159.505	-	846.039.287
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.167.847.139	2.167.847.139	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	131.404	-	39.113.472	39.113.472	131.404	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	250.381.176	1.750.875.695	1.877.898.774	-	377.404.255
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	238.022.456	238.022.456	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	131.404	250.381.176	21.223.978.980	22.197.041.346	131.404	1.223.443.542

4.12. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/12/2021		Trong năm		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Vinh (*)	10.117.970.564	10.117.970.564	104.196.374.403	100.211.034.250	6.132.630.411	6.132.630.411
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (**)	7.824.726.500	7.824.726.500	11.196.246.500	3.371.520.000	-	-
Cộng	17.942.697.064	17.942.697.064	115.392.620.903	103.582.554.250	6.132.630.411	6.132.630.411

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Vinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/8834746/HĐTD ngày 22/06/2021; Hạn mức vay 50.000.000.000 VND. Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC; Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Vinh, số TK: 51810000329337 và danh mục tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 01/2018/8834746/HĐTC ngày 18/4/2018, 02/2018/8834746/HĐTC ngày 14/11/2018, 05/2021/8834746/HĐBĐ ngày 22/09/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đồng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(**) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 378/HM21-NAN ngày 19/11/2021; Hạn mức vay 20.000.000.000 VND. Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số DC 848006 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 21/09/2021 cho Công ty Cổ phần Bao bì Tân Khánh An theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 151/TC21-NAN ngày 29/10/2021.

4.13. Vốn chủ sở hữu

4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	38.000.000.000	-	10.316.835.779	48.316.835.779
Lãi trong năm trước	-	-	10.144.906.571	10.144.906.571
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.319.416.667)	(4.319.416.667)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.031.683.578	(1.031.683.578)	-
Chia cổ tức	-	-	(4.560.000.000)	(4.560.000.000)
Tại ngày 01/01/2021	38.000.000.000	1.031.683.578	10.550.642.105	49.582.325.683
Lãi trong năm nay	-	-	10.749.355.072	10.749.355.072
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(3.858.833.000)	(3.858.833.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	1.014.490.657	(1.014.490.657)	-
Chia cổ tức (*)	-	-	(4.560.000.000)	(4.560.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	38.000.000.000	2.046.174.235	11.866.673.520	51.912.847.755

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 39/NQ/ĐHCD ngày 24/04/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	31.865.000.000	31.865.000.000
Các đối tượng khác	6.135.000.000	6.135.000.000
Cộng	38.000.000.000	38.000.000.000

4.13.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000

4.13.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	10.749.355.072	10.144.906.571
Trích/tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.224.806.522)	(3.858.833.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.524.548.550	6.286.073.571
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.800.000	3.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.980	1.654

4.13.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	10.749.355.072	10.144.906.571
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.224.806.522)	(3.858.833.000)
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.524.548.550	6.286.073.571
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.800.000	3.800.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.980	1.654

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi là số tạm tính với tỷ lệ 30% lợi nhuận sau thuế nhưng không vượt quá 2 tháng lương theo kế hoạch phân phối lợi nhuận tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 39/NQ/ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021.

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi thực tế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 39/NQ/ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021.

4.13.7. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 39/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 thông qua việc chia cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 12% vốn điều lệ, tương đương 4.560.000.000 VND.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 78/NQ-HĐQT ngày 14/09/2021 thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt và ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2020, theo đó ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức: 06/10/2021, tỷ lệ chi trả: 12%/ cổ phần, ngày chi trả cổ tức: 14/10/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.8. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2021	1.031.683.578
Trích trong năm	1.014.490.657
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2021	2.046.174.235

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán bao bì, vật liệu bao bì	160.512.053.451	132.853.554.270
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.805.452.783	10.211.382.778
Cộng	170.317.506.234	143.064.937.048
Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	9.646.895.018	10.013.572.358

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giảm giá hàng bán	66.303.600	59.641.160
Cộng	66.303.600	59.641.160

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn bao bì, vật liệu bao bì	142.054.033.824	115.301.330.276
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.362.487.416	6.564.630.912
Cộng	148.416.521.240	121.865.961.188

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	154.221.716	262.756.187
Chiết khấu thanh toán	11.340.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	148.866.630	5.371.750
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	11.719.007	39.617.571
Cộng	326.147.353	307.745.508

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	627.872.355	1.002.831.922
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong thanh toán	1.774.080	-
Cộng	629.646.435	1.002.831.922

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	1.003.927.760	781.786.500
Chi phí khấu hao TSCĐ	123.853.092	139.642.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.987.598.719	1.762.439.644
Chi phí bằng tiền khác	1.872.014.278	1.637.290.333
Cộng	4.987.393.849	4.321.158.776

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.045.078.434	1.945.656.552
Chi phí đồ dùng văn phòng	119.400.000	148.756.364
Chi phí khấu hao TSCĐ	73.810.048	113.443.140
Chi phí dự phòng	112.971.096	643.292.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	466.202.954	446.490.492
Chi phí bằng tiền khác	1.256.343.875	1.025.281.596
Cộng	4.073.806.407	4.322.920.546

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Thu nhập khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu phạt vượt định mức hao hụt vật tư	45.935.210	5.516.961
Xử lý công nợ	1.400	74
Các khoản khác	110.262	1.509.950
Cộng	46.046.872	7.026.985

5.9. Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	15.773.000	6.767.745
Các khoản khác	25.161	36.843
Cộng	15.798.161	6.804.588

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	12.500.230.767	11.800.391.361
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	6.024.200	24.500.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	6.024.200	24.500.000
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	12.506.254.967	11.824.891.361
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	2.501.250.993	2.364.978.272
Giảm 30% Thuế TNDN theo NQ 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020	-	709.493.482
Giảm 30% Thuế TNDN theo NQ 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021	750.375.298	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.750.875.695	1.655.484.790

5.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	119.311.173.764	86.834.250.600
Chi phí nhân công	27.134.166.693	26.662.103.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.125.175.308	2.420.967.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.013.769.830	9.627.604.718
Chi phí khác bằng tiền	3.118.462.191	4.046.711.689
Cộng	160.702.747.786	129.591.638.926

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	115.392.620.903	81.530.176.252
Cộng	115.392.620.903	81.530.176.252

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	103.582.554.250	104.880.705.394
Cộng	103.582.554.250	104.880.705.394

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV | Công ty mẹ |
| 2. Công ty TNHH Thương mại Khatoco | Cùng công ty mẹ |
| 3. Nhà máy thuốc lá Khatoco Nghệ An | Chi nhánh của công ty mẹ |
| 4. Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa | Chi nhánh của công ty mẹ |
| 5. Các thành viên Hội đồng quản trị và giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu / phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng Công ty TNHH Thương mại Khatoco	11.398.167	10.270.905
Cộng - Xem thêm mục 4.3	11.398.167	10.270.905

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả người bán Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	-	165.000
Cộng - Xem thêm mục 4.9	-	165.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Cho thuê mặt bằng		
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	652.835.592	698.495.100
Nhà máy thuốc lá Khatoco Nghệ An	950.000.000	950.000.000
Cung cấp dịch vụ quản lý sản xuất thuốc lá		
Nhà máy thuốc lá Khatoco Nghệ An	8.044.059.426	8.365.077.258
Cộng - Xem thêm mục 5.1	9.646.895.018	10.013.572.358
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Mua hàng, nguyên vật liệu và phụ tùng		
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	71.730.000	277.765.000
Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	47.171.500	69.315.500
Cộng	118.901.500	347.080.500
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi trả cổ tức, chuyển lợi nhuận		
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	3.823.800.000	3.823.800.000
Thù lao và thu nhập của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thù lao Hội đồng quản trị:		
Ông Cáp Hồng Nguyên	24.000.000	24.000.000
Ông Hà Quang Minh	8.000.000	24.000.000
	16.000.000	-
Thu nhập Ban Giám đốc:		
Ông Phạm Thanh Hà	701.124.669	700.342.433
Ông Trần Anh Giang	404.666.689	422.370.100
	296.457.980	277.972.333
Cộng	725.124.669	724.342.433

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Bùi Việt Đức	12.000.000	-
Ông Hà Quang Minh	6.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Quang Long	12.000.000	12.000.000
Cộng	42.000.000	42.000.000

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG***Công ty là bên cho thuê***

Công ty cho thuê hạ tầng, mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn từ 4 đến 5 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi năm:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	1.015.454.545	1.015.454.545
Cộng	1.015.454.545	1.015.454.545

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Từ 1 năm trở xuống	594.500.000	1.117.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	174.166.667	768.666.667
Cộng	768.666.667	1.885.666.667

Công ty là bên đi thuê

Công ty thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động và phụ lục. Hợp đồng thuê có kỳ hạn là 40 năm. Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	586.330.200	397.512.000
Cộng	586.330.200	397.512.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN

Địa chỉ: Đường D2 - Khu công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Từ 1 năm trở xuống	644.963.220	437.263.200
Trên 1 năm đến 5 năm	2.579.852.880	1.749.052.800
Trên 5 năm	10.704.597.888	7.694.617.700
Cộng	13.929.413.988	9.880.933.700

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Phê duyệt



Phạm Thanh Hà
Giám đốc

Nghệ An, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Người lập

Lê Văn Tuấn
Phụ trách kế toán